

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2023/DS-ST**

Ngày: 06 - 10 - 2023.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa bà T với ông S.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Sáu

2. Ông Phạm Đức Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày **06** tháng **10** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 95/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 250 đường Hàm Nghi, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

* *Bị đơn:* Ông Phan Bá S, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 55 đường Cát Quế, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 20/12/2022 bà T có cho ông S vay số tiền 2.000.000.000đ, mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 02 ngày, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/1triệu/ngày. Ông S là người viết và điền vào hợp đồng mẫu và ký tên vào phần đại diện bên vay. Nhưng sau đó ông S không trả cả gốc và lãi theo đúng thỏa thuận. Đến ngày 20/4/2023 thì ông S mới trả được 1.000.000.000đ nên cùng ngày ông S đã viết lại giấy vay tiền mới với số tiền còn nợ là 1.000.000.000đ mục đích vay là đầu tư làm ăn

nhưng hai bên thỏa thuận miệng cho ông S vay 01 tháng và ông S phải trả lãi theo ngân hàng. Đến hạn trả nợ, bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông S chỉ chuyển khoản trả cho bà T số tiền lãi là 10.000.000đ.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông S phải trả số tiền gốc vay là 1.000.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, bà T đồng ý trừ đi số tiền lãi đã trả là 10.000.000đ.

Bị đơn ông Phan Bá S trình bày:

Vào ngày 20/4/2023 do cần tiền làm ăn nên ông S có hỏi bà Nguyễn Thị T để vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Với sự quen biết nên bà T đồng ý cho vay số tiền trên nhưng phải có tài sản bảo đảm. Sau khi thống nhất thì hai bên đã làm giấy hợp đồng vay tiền. Sau khi làm giấy xong thì bà T có hẹn ông S 05 ngày sau sẽ giao tiền. Đến hẹn, ngày 25/4/2023 ông S có đến nhà bà T để nhận tiền nhưng bà T nói chưa xoay được tiền, ông S có yêu cầu bà T trả lại hợp đồng vay tiền nhưng bà T lấy lý do nhà bà có nhiều giấy vay tiền nên để cho bà T kiểm rồi trả lại nhưng sau đó bà T không trả lại mà dùng giấy này để khởi kiện nên ông S cho rằng ông S chưa nhận tiền của bà T nên không đồng ý trả.

Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án bà T có cung cấp 01 Hợp đồng cho vay tiền lập ngày 20/12/2022 số tiền 2.000.000.000đ. Thực tế số tiền này là do ông Hoàng Văn X vay nhưng bà T yêu cầu ông S phải ký nhận dùm, nếu ông S không ký nhận thay thì bà T sẽ không cho vay tiền nên ông S phải ký nhận thay. Khoản tiền 2.000.000.000đ này ông X đã trả đủ cho bà T nên nay ông S không còn trách nhiệm gì. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông S phải trả số tiền gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì ông S không đồng ý.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Phan Bá S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phan Bá S về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản;

Buộc ông Phan Bá S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.000.000.000đ và không chấp nhận tính lãi suất;

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với ông Phan Bá S. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 20/4/2023 bà T có cho ông S vay số tiền 1.000.000.000đ, ông S có viết nội dung vay tiền vào hợp đồng mẫu và ký tên. Sau đó bà T có đòi thì ông S không trả vì cho rằng mặc dù ông có viết giấy vay nhưng bà T chưa giao tiền nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng:

Ngày 20/12/2022 bà T có cho ông S vay số tiền 2.000.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, có ông Hoàng Văn X là người làm chứng. Tòa án đã làm việc thì ông X cho rằng ông có làm chứng việc bà T cho ông S vay số tiền này, ông S là người viết vào hợp đồng vay tiền đánh máy sẵn và ông X có thấy bà T giao cho ông S số tiền 2.000.000.000đ loại tiền mệnh giá 500.000đ, ông S đếm tiền và ký vào phần đại diện Bên A, còn ông X ký vào phần *Người làm chứng*. Ông X cũng cho rằng sau khi vay tiền thì đến ngày 29/12/2022 bà T có mời ông X đến nhà bà T để làm chứng việc ông S đã trả cho bà T số tiền vay 2.000.000.000đ bằng tiền mặt loại tiền mệnh giá 500.000đ nhưng các bên không lập giấy tờ gì. Còn ông S lại khai rằng mặc dù ông có viết giấy vay số tiền này nhưng là ký nhận thay cho ông X vì ông X là người vay số tiền này, nhưng bà T lại khẳng định số tiền này bà cho ông S vay, ông S là người viết và ký tên vào các hợp đồng cho vay tiền.

Lời khai của các đương sự trong vụ án là có mâu thuẫn và Tòa án đã quyết định triệu tập các đương sự để tiến hành đối chất. Tuy nhiên, các đương sự cố tình vắng mặt không tham gia. Vì vậy không thực hiện được việc đối chất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào 02 Hợp đồng cho vay tiền (bản gốc) do bà T đã cung cấp và lời khai của những người làm chứng có thể thấy ngày 20/12/2022 bà T cho ông S vay số tiền 2.000.000.000đ, đến ngày 20/4/2023 thì ông S đã trả được số tiền 1.000.000.000đ nên cùng ngày ông S đã viết lại giấy vay tiền đưa cho bà T. Ông S và người làm chứng là ông X đều khai không thống nhất và không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng chỉ cho ông S vay tiền nên yêu cầu một mình ông S trả nợ mà không yêu cầu vợ ông S là bà Phạm Thị Thảo phải có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông S phải trả cho bà T số tiền còn nợ là 1.000.000.000đ.

Về lãi suất: Bà T thì cho rằng mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000đ/1triệu/ngày tương đương 6%/tháng, tuy nhiên ông S cho rằng ông chưa nhận tiền vay và trong hợp đồng cho vay tiền thì các bên không ghi rõ mức lãi suất cho vay là bao nhiêu. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự để áp dụng mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm

(tương đương 0,83%/tháng), bà T đồng ý trừ đi số tiền lãi 10.000.000đ mà ông S đã trả. Tiền lãi suất được tính kể từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là: $1.000.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 05 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 44.267.000đ - 10.000.000đ = 34.767.000đ.$;

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phan Bá S; Buộc ông Phan Bá S phải trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 1.034.767.000đ.

[3] Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, ông Phan Bá S phải chịu 43.043.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phan Bá S về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc ông Phan Bá S phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 1.034.767.000đ (*Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*), trong đó: Tiền gốc là 1.000.000.000đ, tiền lãi là 34.767.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Buộc ông Phan Bá S phải chịu 43.043.000đ (*Bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.750.000đ (*Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012868 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/10/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường